

ÔN TẬP HỌC KÌ II MÔN TIN HỌC 7

Chủ đề 6: Trình bày và in trang tính

Câu 1: Lệnh điều chỉnh ngắt trang trên trang tính?

- A. View/ Page Layout
- B. View/Page Break Preview
- C. View/ Normal
- D. View/ Full Screen

Câu 2. Trong các thao tác sau, đâu là thao tác đặt hướng giấy in thẳng đứng?

- A. View →Page Break Preview
- B. Page Layout →Orientaion →Poitrait
- C. Page Layout →Orientaion →Landscape
- D. File →Page setup →Page

Câu 3. Để xem trang tính trước khi in, sử dụng nút lệnh nào?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 4. Để thực hiện in trang tính, sử dụng nút lệnh nào?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 5 Muốn hiển thị chế độ ngắt trang, sử dụng lệnh nào?

- A. View →Normal
- B. View →Page Break Preview
- C. View →Page Layout
- D. View →Custom Views

Câu 6. Để thiết đặt lề trái cho trang in chọn:

- A. Bottom
- B. Left
- C. Top
- D. Right

Câu 7. Để chọn hướng giấy ngang ta nháy lựa chọn lệnh nào dưới đây?

- A. Land scape
- B. Portrait
- C. Horizontally
- D. Vertically

Câu 8. Trong các thao tác sau, đâu là thao tác đặt hướng giấy in thẳng đứng?

- A. View →Page Break Preview
- B. Page Layout →Orientaion →Poitrait
- C. Page Layout →Orientaion →Landscape
- D. File →Page setup →Page

Câu 9. Muốn chọn khổ giấy, sử dụng lệnh nào?

A. Page → Margins

B. Page → Orientation

C. Page → Size

D. Page → Breaks

Câu 10. Muốn in trang tính ra giấy, sử dụng lệnh nào?

A. File → Print → Page Setup

B. File → Print → Print

C. File → Page setup → Margins

D. File → Page Setup → Page

A. Top

B. Left

C. Portrait

D. Landscape

Câu 11: Để đặt hướng giấy ngang, em chọn mục nào?

A. Bottom

B. Right

C. Portrait

D. Landscape

Câu 12: Để in trang tính, em sử dụng lệnh gì?

A. File → Print

B. Layout → Print

C. Home → Print

D. View → Print

CHỦ ĐỀ 7: SẮP XẾP VÀ LỌC DỮ LIỆU

Câu 1: Trong hộp thoại Top 10 Autofilter , để lọc các hàng có giá trị cao nhất ta chọn lệnh:

A. Top

B. Bottom

C. Left

D. Right

Câu 2: Trong hộp thoại Top 10 Autofilter , để lọc các hàng có giá trị thấp nhất ta chọn lệnh:

A. Top

B. Bottom

C. Left

D. Right

Câu 3: Mục đích sắp xếp và lọc dữ liệu là để:

a. Dễ so sánh dữ liệu.

b. Làm cho đẹp bảng tính.

c. Dễ tìm kiếm dữ liệu.

d. Câu a và c đúng.

Câu 4: Câu nào sau đây là sai:

- a. Lọc dữ liệu là chọn và chỉ hiển thị lại các hàng thỏa mãn một số tiêu chuẩn nào đó.
- b. Kết quả lọc dữ liệu không sắp xếp lại dữ liệu.
- c. Kết quả lọc dữ liệu sẽ xóa đi các hàng không thỏa mãn điều kiện.
- d. Khi sắp xếp ta có thể chọn một ô trong bảng dữ liệu.

Câu 5: Khi lọc dữ liệu em có thể:

- a. Sắp xếp lại dữ liệu tăng hoặc giảm.
- b. Có thể tùy chọn với Custom Filter... với các điều kiện or hoặc and.
- c. Không thể sắp xếp lại dữ liệu.
- d. Câu a và b đúng.

Câu 5: Nút lệnh nào sau đây dùng để sắp xếp dữ liệu theo thứ tự tăng dần?

- a. Nút lệnh  b. Nút lệnh  c. Nút lệnh  d. Nút lệnh 

Câu 6: Để sắp xếp dữ liệu em thực hiện thao tác:

- a. Chọn ô trong cột cần sắp xếp.
- b. Chọn nút lệnh  trên thanh Ribbon để sắp xếp theo thứ tự tăng dần.
- c. Chọn nút lệnh  trên thanh Ribbon để sắp xếp theo thứ tự giảm dần.
- d. Các câu a, b và c đều đúng.

Câu 7: Mục đích sắp xếp và lọc dữ liệu là để:

- a. Dễ so sánh dữ liệu.
- b. Làm cho đẹp bảng tính.
- c. Dễ tìm kiếm dữ liệu.
- d. Câu a và c đúng.

Câu 8: Câu nào sau đây là sai:

- a. Lọc dữ liệu là chọn và chỉ hiển thị lại các hàng thỏa mãn một số tiêu chuẩn nào đó.
- b. Kết quả lọc dữ liệu không sắp xếp lại dữ liệu.
- c. Kết quả lọc dữ liệu sẽ xóa đi các hàng không thỏa mãn điều kiện.
- d. Khi sắp xếp ta có thể chọn một ô trong bảng dữ liệu.

Câu 9: Khi lọc dữ liệu em có thể:

- a. Sắp xếp lại dữ liệu tăng hoặc giảm.
- b. Có thể tùy chọn với Custom Filter... với các điều kiện or hoặc and.
- c. Không thể sắp xếp lại dữ liệu.
- d. Câu a và b đúng.

Câu 10: Nút lệnh nào sau đây dùng để sắp xếp dữ liệu theo thứ tự tăng dần?

- a. Nút lệnh 
- b. Nút lệnh 
- c. Nút lệnh 
- d. Nút lệnh 

Câu 11: Mục đích sắp xếp và lọc dữ liệu là để:

- a. Dễ so sánh dữ liệu.
- b. Làm cho đẹp bảng tính.
- c. Dễ tìm kiếm dữ liệu.
- d. Câu a và c đúng.

Câu 12: Nút lệnh nào sau đây dùng để sắp xếp dữ liệu theo thứ tự tăng dần?

- A. Nút lệnh 
- B. Nút lệnh 
- C. Nút lệnh 
- D. Nút lệnh 

Câu 13: Nút lệnh nào sau đây dùng để sắp xếp dữ liệu theo thứ tự giảm dần?

- A. Nút lệnh 
- B. Nút lệnh 
- C. Nút lệnh 
- D. Nút lệnh 

CHỦ ĐỀ 8: MINH HỌA DỮ LIỆU BẰNG BIỂU ĐỒ

Câu 1: Biểu đồ để thích hợp so sánh dữ liệu có trong nhiều cột?

- A. Biểu đồ cột
- B. Biểu đồ hình tròn
- C. Biểu đồ đường gấp khúc
- D. Biểu đồ hình quạt

Câu 2: Biểu đồ để so sánh dữ liệu và dự đoán xu thế tăng hay giảm của dữ liệu?

- A. Biểu đồ cột
- B. Biểu đồ hình tròn
- C. Biểu đồ đường gấp khúc
- D. Biểu đồ hình quạt

Câu 3: Lệnh để tạo biểu đồ cột?

- A. Insert/ Columns
- B. Insert/ Bar
- C. Insert/ Pie
- D. Insert/Line

Câu 4: Lệnh để tạo biểu đồ hình tròn?

- A. Insert/ Columns
- B. Insert/ Bar
- C. Insert/ Pie
- D. Insert/Line

Câu 5: Để xóa một biểu đồ em có thể thực hiện:

- a. Nhấn phím Delete
- b. Chọn biểu đồ và nhấn phím Delete
- c. Nhấn phím Enter
- d. Chọn biểu đồ và nhấn phím Enter

Câu 6: Có mấy dạng biểu đồ phổ biến nhất mà em được học trong chương trình?

- a. 2
- b. 3
- c. 4
- d. 5

Câu 7: Muốn tạo biểu đồ ta chọn nhóm lệnh Charts trong thẻ lệnh

- A. Home
- B. Insert
- C. Page Layout
- D. Data

Câu 8: Có mấy dạng biểu đồ phổ biến nhất mà em được học trong chương trình?

- a. 2
- b. 3
- c. 4
- d. 5

Câu 9: Để tạo biểu đồ từ 1 bảng dữ liệu ta chọn nút lệnh nào?

- A. 
- B. 
- C. 
- D. 

Câu 10: Muốn thay đổi dạng biểu đồ đã được tạo ra, ta chọn biểu đồ đó và thực hiện:

- A. Chọn thẻ lệnh **View**→**Change Chart Type**→chọn biểu đồ thích hợp và nháy OK
- B. Chọn thẻ lệnh **Design**→**Change Chart Type**→chọn biểu đồ thích hợp và nháy OK.
- C. Chọn thẻ lệnh **Layout**→**Change Chart Type**→chọn biểu đồ thích hợp và nháy OK.
- D. Chọn thẻ lệnh **Format**→**Change Chart Type**→chọn biểu đồ thích hợp và nháy OK.

CHỦ ĐỀ 9: TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET

Câu 1: Công cụ tìm kiếm dùng để làm gì?

- A. Đọc thư điện tử
- B. Trình duyệt Web
- C. Tìm kiếm thông tin trên Internet
- D. Tất cả đều sai

Câu 2: Công cụ tìm kiếm thông tin hữu ích và mạnh mẽ nhất trên Internet?

- A. Yahoo
- B. Bing
- C. Google
- D. Baidu

Câu 3: Youtube là trang web:

- A. Lưu trữ, chia sẻ video trực tuyến phổ biến nhất hiện nay
- B. Tìm kiếm các kiến thức bổ ích.
- C. Nghe nhạc trực tuyến
- D. Học tập trực tuyến

Câu 4: Để tìm kiếm thông tin trên Internet ta cần phải?

- A. Khởi động chức năng tìm kiếm trên máy tính
- B. Khởi động trình duyệt Web và gõ địa chỉ công cụ tìm kiếm
- C. Gõ nội dung tìm kiếm vào ô Search Programs and files
- D. Tất cả đều sai

Câu 5: Cú pháp tìm kiếm trên Google “animal + Tiger” có nghĩa là gì?

- A. Trả về kết quả liên quan đến Animal và cả Tiger
- B. Trả về kết quả liên quan đến Animal mà không chứa nội dung Tiger
- C. Trả về kết quả không liên quan đến Animal và cả Tiger
- D. Tất cả đều sai

Câu 6. Em sẽ làm gì nếu muốn tìm kiếm trả về các kết quả chứa nội dung tìm kiếm chính xác?

- a. Đặt nội dung tìm kiếm trong nháy đơn.
- b. Đặt nội dung tìm kiếm trong ngoặc tròn.
- c. Đặt nội dung tìm kiếm trong ngoặc vuông.
- d. Đặt nội dung tìm kiếm trong nháy kép

Câu 7: Ta dùng kí hiệu "~" để tìm nâng cao thì kết quả sẽ trả về?

- a. Liên quan tới từ muốn tìm kiếm.
- b. Từ đồng nghĩa với từ muốn tìm kiếm.
- c. Không liên quan đến từ muốn tìm kiếm.
- d. Liên quan tới từ muốn tìm kiếm và cả từ đồng nghĩa với nó.

Câu 8: Địa chỉ trang Web tìm kiếm thông tin thông dụng nhất hiện nay:

- a. tuoitre.vn
- b. dantri.com.vn
- c. google.com.vn
- d. yahoo.com

Câu 9: Để tìm kiếm một hình ảnh cho trước thì ta có thể dùng địa chỉ trang Web nào sau đây?

- A. images.google.com
- B. tuoitre.vn
- C. tienphong.vn
- D. baomoi.com

Câu 10: ý nghĩa của animal + tiger ?

- a. Trả về kết quả liên quan đến animal nhưng không chứa nội dung tiger
- b. Trả về kết quả liên quan đến animal và cả tiger
- c. Trả về kết quả liên quan tới tiger và cả từ đồng nghĩa với nó.
- d. Trả về kết quả là định nghĩa của từ tiger

Câu 11: Đây là tên của phần mềm tìm kiếm thông dụng hiện nay?

- a. Youtube
- b. Google
- c. Facebook
- d. Excel

Câu 12: Địa chỉ: <http://vi.wikipedia.org> có ý nghĩa gì?

- a. Như một trang bách khoa toàn thư mở
- b. Như một kho tri thức trực tuyến hữu ích
- c. Như một trang trực tuyến tự học
- d. Như một phần mềm nghe nhạc

Câu 13: khi em muốn tìm kiếm một vấn đề nào đó thì em sử dụng dịch vụ nào sau đây trên internet?

- a. Hội thảo trực tuyến
- b. Tìm kiếm thông tin trên internet
- c. Tổ chức và khai thác thông tin trên web
- d. Thư điện tử